

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/07/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+TD3+TD5	7:25	22+0+0	0+0+0		17+4+1	0+0+0	
2		PPD+RP2+RP3	7:25	21+0+1	0+0+0		17+0+5	0+0+0	CHUYỂN 1 RP2-RP3
3		P4+PPD	9:25	16+6	0+0		14+8	0+0	
4		PPD+TD2+JS2	9:25	15+7+0	0+0+0		5+10+3	0+0+0	CHUYEN 4DVL TD2-JS2

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/07/2019	TO: RP3 - TD3 - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: L Hải - T Đông - T SON	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VALEEV IREK D.	RP3	67	1	5		82	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN CHINH THI	RP3	85	1	5		72	KHI	Vietnamese
3	KRYLOV D.V	RP3	65-66	2	15		100	KHI	Russian
4	NGUYEN HOANG NAM	RP3	74-75	2	11		70	KHI	Vietnamese
5	PHAM NGOC HUNG	RP3	63	1	7		80	KHI	Vietnamese
6	VU MANH CUONG	RP3	78	1	5	57	68	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN THANH HA	RP3	76-77	2	12		68	KHI	Vietnamese
8	DOAN VIET DONG	RP3	86-87	2	10	40	70	CODIEN	Vietnamese
9	TRAN VAN MANH	RP3	82-83	2	13		75	CODIEN	Vietnamese
10	TRINH XUAN HUYEN	RP3	84	1	10		75	KHI	Vietnamese
11	NGO THANH LAM	RP3	69	1	4		70	KHI	Vietnamese
12	LE XUAN HIEN	RP3	68	1	5		63	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN BINH	RP3					67	KHI	Vietnamese
14	PHAM HONG QUAN	RP3	72	1	5		80	KHI	Vietnamese
15	DO VAN TUAN	RP3	70	1	5		75	KHI	Vietnamese
16	TRAN BINH DUC	RP3	71	1	5		67	KHI	Vietnamese
17	LE SY DUC	RP3	81	1	7		65	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYEN ANH DUC	RP3	93	1	5		80	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYEN THANH HUNG	RP3	79-80	2	15		68	NIPi	Vietnamese
20	PHAM NGOC TU	RP3	73	1	5		60	NIPi	Vietnamese
21	BUI VAN PHU	RP3	64	1	5		72	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	21	26	154	1.527	97	17		
2	TD3	0	0	0	0	20	4		
3	TD5	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	26	154	1.527	117	22		
WEIGHT KG				154	1.527	117			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/07/2019	TO: PPD - RP2 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TTrung - Phong - Huy	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN CUÔNG	PPD	80	1	5		66	KHI	Vietnamese
2	ĐÌNH NGỌC QUY	PPD	84	1	5		67	KHI	Vietnamese
3	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	82	1	12		69	KHI	Vietnamese
4	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	78	1	5		70	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC ANH	PPD	88	1	4		72	KHI	Vietnamese
6	VÕ QUANG ĐẠT	PPD					62	KHI	Vietnamese
7	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD					85	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD					77	KHI	Vietnamese
9	ĐẶNG PHÚC THĂNG	PPD	93	1	4		84	KHI	Vietnamese
10	HÀ THÈ BAO	PPD	81	1	5		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN TIỀN QUANG	PPD	87	1	5		66	KHI	Vietnamese
12	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	83	1	5		63	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN PHÚC HẬU	PPD	76	1	10		74	KHI	Vietnamese
14	ĐỖ MINH ĐỨC	PPD	94	1	7		78	KHI	Vietnamese
15	BUI NGỌC HƯƠNG	PPD	77	1	5		63	KHI	Vietnamese
16	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	86	1	6		72	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN VĨNH	PPD	79	1	4		79	KHI	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC THANH	PPD	91-92	2	10		99	KHI	Vietnamese
19	TRẦN HOANG CHUÔNG	PPD	89-90	2	15		61	KHI	Vietnamese
20	ĐÀO ANH TUÂN	PPD	94	1	5		69	KHI	Vietnamese
21	LÊ HUY VINH	PPD	85	1	5		65	KHI	Vietnamese
22	LÊ HOANG ANH	RP3	27-29	3	15	110	67	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	20	117	1.511	0	17		CHUYỂN 1 PAX TỪ RP2 SANG RP3
2	RP2	0	0	0	0	0	0		
3	RP3	1	3	15	67	110	5		
TOTAL		22	23	132	1.578	110	22		
WEIGHT KG				132	1.578	110			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

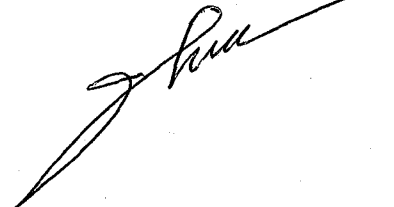
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/07/2019	TO: P4 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LHai - TĐông - TSON	ETA: 11:35
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	64	1	5		66	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	P4					65	KHI	Vietnamese
3	BUI THANH AN	P4	62	1	5		65	KHI	Vietnamese
4	PHẠM HỮU THỌ	P4	69-70	2	10		70	KHI	Vietnamese
5	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	66	1	4		55	KHI	Vietnamese
6	HOANG TRỌNG TÂN	P4	63	1	5		70	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ANH	P4	72	1	7		65	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	65	1	5	60	70	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG KIỂM	P4	67	1	5		80	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	71	1	5		68	KHI	Vietnamese
11	TRẦN VĂN THAI	P4	68	1	4		60	KHI	Vietnamese
12	TRẦN VĂN PHÚC	P4	74	1	5		60	KHI	Vietnamese
13	LÊ TRUNG LAM	P4	73	1	5		65	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THẾ	P4	75	1	5		60	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH NAM	P4	76	1	5		62	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LUẬN	PPD	05-06	2	12		60	KHI	Vietnamese
17	ĐỖ THẾ QUANG	PPD	03	1	10		60	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC TU	PPD	02,04	2	15	20	65	KHI	Vietnamese
19	PHẠM TẠNG THANH AN	PPD	7-10	4	16	50	65	KHI	Vietnamese
20	PHẠM VĂN ĐỨC	PPD	11	1	10		60	KHI	Vietnamese
21	TRẦN HAI ĐĂNG	PPD	14-15	2	11		68	KHI	Vietnamese
22	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	01	1	2		92	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	15	15	75	981	60	14		
2	PPD	7	13	76	470	70	8		
TOTAL		22	28	151	1.451	130	22		
WEIGHT KG				151	1.451	130			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/07/2019	TO: PPD - TD2 - JS2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: TTrung - Phong - Huy	ETA: 11:40
XANH-2			

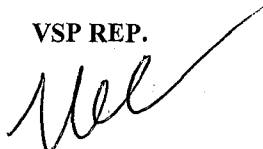
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KHẮC CUÔNG	PPD	53-55	3	20		75	CODIEN	Vietnamese
2	HA VAN PHONG	PPD	37	1	8		62	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ NGỌC TUÂN	PPD	97	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN TOÀN	PPD	40	1	7		67	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ THẾ CHUYỀN	PPD	38	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VĂN DƯƠNG	PPD	700	1	16		60	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI NGOC HOANG	PPD	56-57	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG VAN THANH	PPD	52	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ TẠ HOÀN	PPD	98-99	2	12		75	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG ANH THÂN	PPD	51	1	20		75	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ TRỌNG HÙNG	PPD	35-36	2	20	4	78	XAYLAP	Vietnamese
12	TRƯƠNG TÂN LỢI	PPD	58	1	15		85	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN MẠNH CUÔNG	PPD	59	1	4	20	70	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG VAN CÔNG	PPD	95	1	7		59	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN HAI HOÀN	PPD	96	1	6		65	PSV	Vietnamese
16	ĐỖ TRƯỞNG GIANG	TD2	19	1	10	20	76	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ NGỌC TỰ	TD2	21	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ NGỌC BỀN	TD2	18	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TRUNG	TD2	92	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ TRỌNG NHIÊN	TD2	90-91	2	10		51	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN GIA CUÔNG	TD2	98-99	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ ĐÌNH LỢI	TD2	20	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

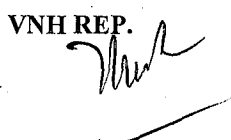
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	15	20	180	1.046	24	5		CHUYEN 4 PAX TD2 SANG JS2
2	TD2	7	9	73	467	20	11	4	
3	JS2	0	0	0	0	45	6		
TOTAL		22	29	253	1.513	89	22		
WEIGHT KG				253	1.513	89			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

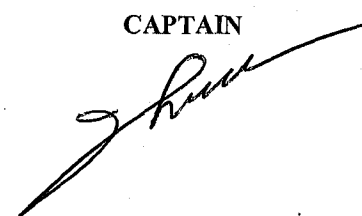
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/07/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC3+CTK3+GTC1	7:25	2+7+11	0+0+0		1+6+15	0+0+0	
2		TD1+PPD+BK6	7:25	18+2+0	0+0+0		9+12+0	0+0+0	CHUYỂN 1 PPD-BK6
3		GTC1+RP2+RP3	9:25	14+0+2	0+0+0		8+4+10	0+0+0	
4		TD1+BK3-BK10	9:25	14+5+6	0+0+0		15+0+5	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/07/2019	TO: TTC3 - CTK3 - GTC1	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - Khang - Vũ	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH MAI THIÊN	TTC3	08-09	2	10	30	65	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	TTC3	10	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM HUU TUNG	CTK3					65	SBAY	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	89	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH BÌNH	CTK3	90	1	5		90	ANTOAN	Vietnamese
6	VÔ NGUYỄN MINH PHƯỚC	CTK3	85-86	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN VĂN ĐƯƠNG	CTK3	91	1	3		55	XAYLAP	Vietnamese
8	LƯU MẠNH TIẾN	CTK3	88	1	7		65	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN TIẾN DŨNG	CTK3	87	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
10	HUYNH KÝ MINH TUẤN	CTK3	83-84	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI MẠNH HÀ	CTK3	81-82	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐẠO VĂN HOÀI	GTC1	85	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM VĂN KHUÔNG	GTC1	03	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
14	VŨ MINH HÙNG	GTC1	88-89	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN ĐÌNH QUÂN	GTC1	05	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN VĂN NGŨ	GTC1	04	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN CHÍ HÀ	GTC1	84	1	15		71	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN THANH	GTC1	08-09	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN KHÁC SƠN	GTC1	82-83	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
20	LƯU QUY DŨNG	GTC1	90,40	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN VĂN TẤN	GTC1	86-87	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
22	PHẠM TẤT LỰC	GTC1	06-07	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	2	3	20	130	30	1		
2	CTK3	9	11	83	616	0	4		
3	GTC1	11	17	160	742	0	15		
TOTAL		22	31	263	1.488	30	20		
WEIGHT KG				263	1.488	30			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/07/2019	TO: TD1 - PPD - BK6	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Lhai - TSON	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔ ĐÌNH TUYNH	TD1	14	1	6	60	75	KHOAN	Vietnamese
2	DƯƠNG THANH TÙNG	TD1	17	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM THANH LINH	TD1	12	1	4		54	KHOAN	Vietnamese
4	TẠ KIM VŨ	TD1	23	1	9		61	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ VĂN QUY	TD1	500	1	8		61	KHOAN	Vietnamese
6	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	06	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
7	BUI VĂN LỢI	TD1	10	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN DINH CHUÔNG	TD1					65	NHA THAU	Vietnamese
9	TRẦN HUY TOÀN	TD1	16	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	HOÀNG NGỌC SƠN	TD1	13	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN QUANG	TD1	08	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN PHONG	TD1	09	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
13	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	15	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
14	LE VĂN QUAN-PVDT	TD1	11	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ THẾ HÙNG	TD1	07	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
16	ĐOÀN XUÂN CUÔNG	TD1	24	1	14		75	CODIEN	Vietnamese
17	ĐẶNG TIẾN TOÀN	TD1	25	1	15	15	68	CODIEN	Vietnamese
18	VUÔNG ĐỨC TRỌNG	TD1	21-22	2	20		72	CODIEN	Vietnamese
19	MAI VĂN THANH	TD1	18	1	5		59	NHA THAU	Vietnamese
20	NGUYỄN QUY ĐON	TD1	19-20	2	10		75	NHA THAU	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN SANG	PPD	31-32	2	10		67	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN DUÂN	PPD	19-20	2	12		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	20	21	145	1.320	75	9		CHUYỂN 1 PAX TỪ PPD SANG BK6
2	PPD	2	4	22	132	0	12		
3	BK6	0	0	0	0	20	0		
TOTAL		22	25	167	1.452	95	21		
WEIGHT KG				167	1.452	95			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/07/2019	TO: GTC1 - RP2 - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VThắng - Khang - Vũ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MẠNH THẮNG	GTC1	14-15	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN PHUC SANG	GTC1	73-74	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐẠO NGUYEN DU MẠC	GTC1	75	1	10	15	60	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐOÀN ĐÌNH DỤNG	GTC1	12-13	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG VAN THẮNG	GTC1	77-78	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN VINH	GTC1	11	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NAM	GTC1	30-31	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN LAM	GTC1	09-10	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN XUAN HUY	GTC1	26-27	2	15		58	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN VĂN HUYEN	GTC1	25,72	2	16		80	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC QUANG	GTC1	03	1	7		69	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VIỆT DUNG	GTC1	17	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT HÙNG	GTC1	16	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAN ĐÌNH TUÂN	GTC1	77	1	5		57	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	98	1	3		76	KHI	Vietnamese
16	TRỊNH HOANG THEM	RP3	96	1	6		67	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	14	22	187	919	15	8		
2	RP2	0	0	0	0	40	4		
3	RP3	2	2	9	143	0	6		
TOTAL		16	24	196	1.062	55	18		
WEIGHT KG				196	1.062	55			

GRAND TOAL: 1.313 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/07/2019	TO: TD1 - BK3 - BK10	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ĐỨC - L Hải - T SƠN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	YANCHENKO	TD1	42	1	12		80	ANTOAN	Russian
2	TRẦN ANH VINH	TD1	39	1	6		57	DVL	Vietnamese
3	BUI ĐỨC TRUNG	TD1	38	1	6		56	DVL	Vietnamese
4	VU THANH DUONG	TD1	40	1	9		80	DVL	Vietnamese
5	DƯƠNG TRUNG KIEN	TD1	41	1	7		60	DVL	Vietnamese
6	PHẠM QUỐC TU	TD1	37	1	6		50	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DEN	TD1	30	1	7		53	SHINTRAC	Vietnamese
8	VU TRONG THAO	TD1	31-32	2	10	40	57	SHINTRAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CONG	TD1	01	1	3		70	SHINTRAC	Vietnamese
10	LE HUU LOC	TD1	33	1	8		58	SHINTRAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRUONG SAN	TD1	34	1	10		49	SHINTRAC	Vietnamese
12	HUYNH VAN QUAN	TD1	35	1	10		64	SHINTRAC	Vietnamese
13	PHAN THANH DUC	TD1	36	1	7		74	SHINTRAC	Vietnamese
14	NGO VAN THANH	TD1	43	1	10		52	SHINTRAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HUY	BK3	54	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
16	LE HỒNG LINH	BK3	45	1	6	90	77	KH-THAC	Vietnamese
17	THAI QUỐC CƯỜNG	BK3	44	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM THAI SƠN	BK3	53	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
19	VUONG DUC HUY	BK3	92	1	12		98	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

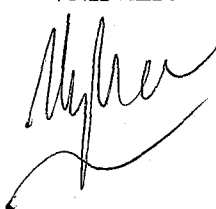
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	14	15	111	860	40	15		
2	BK3	5	5	45	371	90	0		
3	BK10	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		19	20	156	1.231	130	20		
WEIGHT KG				156	1.231	130			

GRAND TOAL: 1.517 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

